BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOBỘ TƯ PHÁPTRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

----&&@~~----

PHẠM PHƯƠNG THẢO

PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH Ở VIỆT NAM

Chuyên ngành: Luật Kinh tế Mã số: 9380107

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Anh 2. TS. Nguyễn Văn Cương

Hà Nội - 2021

Công trình được hoàn thành tại: TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Anh 2. TS. Nguyễn Văn Cương

Phản biện 1: Phản biện 2: Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Trường họp tại Trường Đại học Luật Hà Nội vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại:

1) Thư viện Quốc gia
 2) Thư viện Trường Đại học Luật Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của Đề tài nghiên cứu

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc ngày càng sâu rộng như hiện nay, cạnh tranh được thừa nhận là yếu tố đảm bảo cho việc duy trì tính năng động và hiệu quả của nền kinh tế. Pháp luật và chính sách về cạnh tranh là một trong các bộ phận quan trọng của nền tảng pháp lý cho việc hình thành nền kinh tế thị trường.Tuy nhiên thực trạng pháp luật và thực tiễn xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh vẫn còn nhiều bất cập. Luật Cạnh tranh ra đời năm 2004 nhưng dường như chưa thực sự phát huy hết hiệu quả trong đời sống. Theo báo cáo kết quả 10 năm thực thi Luật cạnh tranh của Việt Nam¹ sau hơn mười năm có hiệu lực, cơ quan cạnh tranh Việt Nam mới chính thức đưa ra kết luận xử lý đối với (04) bốn vụ việc hạn chế cạnh tranh thì đình chỉ giải quyết vụ việc.

Mặc dù vậy, trong những nỗ lực gần đây để nhằm tăng cường khả năng thực thi luật cạnh tranh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã và đang từng bước xây dựng và hoàn thiên hơn nữa quy đinh pháp luật liên quan đến xử lý hành vi han chế canh tranh. Việc ban hành Luật Cạnh tranh 2018 đánh dấu một trong những chuyển biến lớn đối với pháp luật cạnh tranh Việt Nam. Tuy Luật Cạnh tranh năm 2018 đã có hiệu lực từ ngày 01/07/2019, nhưng các văn bản hướng dẫn thi hành luật như Nghị định số 35/2020/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh sửa đổi, Nghị định số 75/2019/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh chỉ mới được ban hành và có hiệu lực pháp luật, trong khi đó Dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban cạnh tranh quốc gia vẫn đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện và lấy ý kiến góp ý. Những văn bản pháp luật này chủ yếu được ban hành nhằm thay đổi các quy đinh về xử lý vụ việc canh tranh sau một thời gian dài thực thi đã bộc lộ rất nhiều han chế. Những điểm mới trong các quy định pháp luật này được kỳ vọng sẽ tạo ra bước tiến mới trong công tác thực thi pháp luật cạnh tranh nói chung và xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh nói riêng.

Với những lý do trên, tác giả cho rằng việc triển khai đề tài: "*Pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam*" ở bậc Tiến sỹ sẽ trở thành một công trình nghiên cứu có giá trị về mặt khoa học pháp lý và giá trị thực tiễn, góp phần thúc đẩy

¹ Bộ Công thương (2017), Kết quả 10 năm thực thi Luật Cạnh tranh của Việt Nam, Nxb Công Thương

công tác thực thi pháp luật cạnh tranh ở Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

Mục đích nghiên cứu của luận án là làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh, đánh giá thực trạng pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh, từ đó đưa ra các giải pháp có giá trị tham khảo nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam.

Để đạt được mục đích trên, các nhiệm vụ nghiên cứu của luận án được xác định bao gồm:

- Làm rõ các vấn đề lý luận cơ bản về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh;

 Phân tích những vấn đề pháp lý đặc thù liên quan đến xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh;

 Phân tích và đánh giá thực trạng những nội dung cơ bản của pháp luật hiện hành về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam;

 Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1 Đối tượng nghiên cứu của luận án

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những nội dung pháp luật liên quan đến xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh, thực tiễn ban hành và thực thi pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam, kinh nghiệm thế giới trong việc hoàn thiện pháp luật điều chỉnh hành vi hạn chế cạnh tranh và xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh.

3.2 Phạm vi nghiên cứu của luận án

Về nội dung, luận án chỉ giới hạn phạm vi nghiên cứu tập trung vào những vấn đề pháp lý liên quan đến xử lý các hành vi vi phạm về hạn chế cạnh tranh như nguyên tắc áp dụng, các hình thức xử lý bao gồm cơ quan có thẩm quyền xử lý, trình tự thủ tục xử lý và chế tài xử lý. Tuy nhiên đối với hình thức xử lý hình sự và kiện đòi bồi thường thiệt hại dân sự, tác giả luận án chỉ tập trung phân tích về căn cứ xử lý, cơ quan có thẩm quyền xử lý và chế tài xử lý mà không phân tích về trình tự thủ tục xử lý. Do trình tự thủ tục xử lý bằng biện pháp hình sự và bồi thường thiệt hại trong dân sự được áp dụng chung như đối với vụ án hình sự hoặc vụ việc dân sự theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự hay tố tụng dân sự. Còn đối với hình thức xử lý hành chính, do tính chất đặc biệt của tố tụng cạnh tranh, khác với tố tụng hành chính thông thường và được quy định chi tiết ngay trong luật cạnh tranh, do đó tác giả phân tích chi tiết về các nội dung có liên quan đến hình thức xử lý này. Trong nội dung pháp luật thực định về hành vi hạn chế cạnh tranh, luận án chỉ đưa ra các hành vi hạn chế cạnh tranh theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành bao gồm thỏa thuận hạn chế cạnh tranh và lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền. Pháp luật về kiểm soát và xử lý tập trung kinh tế không được phân tích trong quy định pháp luật thực định vì Luật Cạnh tranh 2018 đã tách riêng hành vi này ra khỏi nhóm hành vi hạn chế cạnh tranh.

Về mặt không gian, Luận án nghiên cứu pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí độc quyền của các doanh nghiệp tại Việt Nam từ khi Luật Cạnh tranh Việt Nam năm 2004 có hiệu lực đến nay. Bên cạnh đó, Luận án cũng mở rộng phạm vi nghiên cứu pháp luật cạnh tranh của một số nước có nền kinh tế thị trường phát triển như Hoa Kỳ, Úc và một số quốc gia trong cùng khu vực Châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc...

Về mặt thời gian, luận án nghiên cứu pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh từ khi Luật Cạnh tranh năm 2004 có hiệu lực, đến Luật Cạnh tranh năm 2018 được ban hành, có hiệu lực, các văn bản hướng dẫn thi hành và dự thảo các văn bản hướng dẫn thi hành trong thời điểm hiện nay nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp mang tính khả thi trong tương lai.

4. Phương pháp nghiên cứu đề tài

Để đạt được các mục đích nghiên cứu mà đề tài đặt ra, trong quá trình nghiên cứu luận án đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cơ bản sau đây:

Thứ nhất, phương pháp phân tích, bình luận, diễn giải ... được sử dụng chủ yếu trong toàn bộ luận án, khi nghiên cứu tổng quan những vấn đề lý luận về hành vi hạn chế cạnh tranh tranh và xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh, khi phân tích, bình luận, diễn giải các quy định pháp luật thực định về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh tranh...

Thứ hai, phương pháp so sánh – đối chiếu, đặc biệt là phương pháp luật học so sánh được sử dụng để so sánh quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng của pháp luật xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh tại một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam. Việc so sánh, đối chiếu sẽ giúp cho luận án chỉ ra các nội dung hợp lý trong các học thuyết pháp lý, các quan điểm của các luật gia, các quy định pháp luật thực định cũng như thực tiễn áp dụng của các quốc gia trên thế giới để từ đó có những đóng góp cụ thể trong các đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh tại Việt Nam.

Thứ ba, phương pháp lịch sử, phương pháp thống kê, phương pháp trao đổi, tọa đàm với chuyên gia v.v... được sử dụng trong một số nội dung của luận án khi tìm hiểu thực trạng mô hình cơ quan cạnh tranh các quốc gia trên thế giới, khi bình luận, diễn giải các quy định

pháp luật Việt Nam và nước ngoài trong xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh...

Ngoài những phương pháp chủ yếu nêu trên, luận án còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu chung bao gồm: (i) Phương pháp nghiên cứu liên ngành, được luận án sử dụng trong quá trình nghiên cứu kết hợp các học thuyết kinh tế và pháp lý nhằm làm sáng tỏ cơ sở lý luận về hành vi hạn chế cạnh tranh và pháp luật xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh, (ii) Phương pháp luận nghiên cứu khoa học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lê Nin; (iii) Hệ thống quan điểm, lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước và pháp quyền xã hội chủ nghĩa; ...

5. Những đóng góp mới của Luận án

Về mặt lý luận, luận án đã có những đóng góp cơ bản sau:

Thứ nhất, trên cơ sở tham khảo và kế thừa giá trị của kết quả các công trình nghiên cứu khoa học đã đạt được của các nhà nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài, luận án phát triển hệ thống lý luận của pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh với những nội dung mới như: khái niệm về pháp luật xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh, nguyên tắc áp dụng trong xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh, các hình thức xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh...

Thứ hai, thông qua quá trình nghiên cứu một cách hệ thống và chuyên sâu các vấn đề lý luận về hành vi hạn chế cạnh tranh, pháp luật xử lý hành vi hạn hế cạnh tranh, Luận án đã chỉ ra được hậu quả của hành vi hạn chế cạnh tranh dẫn đến nhu cầu cần xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh bằng các hình thức xử lý khác nhau bao gồm xử lý hành chính, xử lý hình sự và xử lý bằng biện pháp kiện đòi bồi thường thiệt hại dân sự. Trong đó hình thức xử lý hình sự và kiện đòi bồi thường thiệt hại dân sự đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm là những nội dung lần đầu tiên được phân tích một cách chuyên sâu và tổng thể ở nghiên cứu mang tầm luận án.

Thứ ba, luận án phân tích được những điểm mới về xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh trong các văn bản quy định pháp luật hiện hành như Luật Cạnh tranh sửa đổi 2018 và các văn bản pháp luật chuyên ngành khác như Bộ luật hình sự 2015,... Có thể khẳng định luận án là công trình nghiên cứu mang tính chuyên sâu đầu tiên về các quy định pháp luật mới được ban hành. Thông qua việc so sánh các quy định của Luật Cạnh tranh 2004 và Luật cạnh tranh hiện hành năm 2018, tác giả luận án đã cho người đọc thấy được quá trình hình thành, phát triển và những chuyển biến tích cực trong pháp luật cạnh tranh nói chung và pháp luật xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh nói riêng.

Về mặt thực tiễn, luận án đã có những đóng góp cơ bản sau:

Thứ nhất, luận án đánh giá một cách khách quan các quy định pháp luật hiện hành

về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh. Trên cơ sở đó, Luận án chỉ ra những bất cập còn tồn tại, và nguyên nhân của những hạn chế trong xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam, đồng thời khẳng định tính tất yếu của việc hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh.

Thứ hai, thông qua việc nghiên cứu kinh nghiệm pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh đồng thời gắn với thực tiễn điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam, luận án nghiên cứu, đề xuất các kiến nghị, giải pháp phù hợp và khả thi không chỉ trên phương diện hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh mà còn nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng, phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo thì đề tài của luận án được kết cấu thành các phần gồm:

Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài luận án.

Chương 1: Những vấn đề lý luận về hành vi hạn chế cạnh tranh và pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam Chương 3: Giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về xử lý hành vi han chế canh tranh ở Việt Nam.

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Những kết quả nghiên cứu về pháp luật xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh 1.1. Những kết quả nghiên cứu về mặt lý luận liên quan đến hành vi hạn chế cạnh tranh và xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh

Thứ nhất, các nghiên cứu về nhận diện hành vi hạn chế cạnh tranh.

Thứ hai, các nghiên cứu về pháp luật xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh.

Thứ ba, các nghiên cứu liên quan đến cơ sở lý luận về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh.

Thứ tư, các nghiên cứu liên quan đến yếu tố ảnh hưởng tới xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh.

1.2. Những kết quả nghiên cứu về thực trạng pháp luật xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh

Thứ nhất, các nghiên cứu về về cơ quan tham gia xử lý vi phạm hành chính hành vi hạn chế cạnh tranh.

Thứ hai, các nghiên cứu về trình tự thủ tục giải quyết vụ việc hạn chế cạnh tranh.

Thứ ba, các nghiên cứu về chế tài xử lý hành chính đối với hành vi hạn chế cạnh tranh,

Thứ tư, ngoài hình thức xử lý hành chính đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh còn các nghiên cứu về xử lý hình sự và kiện đòi bồi thường thiệt hại.

1.3. Những kết quả nghiên cứu về giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam

Ngoài những tài liệu nghiên cứu chung về định hướng hoàn thiện pháp luật, tác giả luận án đã tìm hiểu tài liệu và phân thành các nhóm như sau:

Thứ nhất, hoàn thiện quy định của pháp luật cơ quan tham gia xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh.

Thứ hai, hoàn thiện quy trình xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh thống nhất, hiệu quả.

Thứ ba, hệ thống hóa các biện pháp chế tài xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh và cơ chế áp dụng phù hợp.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh.

2. Một số đánh giá, nhận xét tổng thể về tình hình nghiên cứu của các công trình khoa học đã công bố có liên quan đến đề tài luận án *Thứ nhất*, về phương pháp nghiên cứu của các đề tài có liên quan đến luận án, các tác giả đều sử dụng một số phương pháp nghiên cứu về vấn đề xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh mang tính khoa học, chặt chẽ.

Thứ hai, về nội dung nghiên cứu: mặc dù tiếp cận theo các cách thức khác nhau với những nội dung khác nhau nhưng những công trình, bài viết của các tác giả đều thể hiện sắc xảo quan điểm của mình về vấn đề cần nghiên cứu, bình luận. Tuy nhiên, xét ở góc độ tiếp cận toàn diện vấn đề lý luận và thực tiễn của xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh thì nhiều công trình, bài viết chưa giải quyết triệt để được điều này.

Thứ ba, bên cạnh việc giải quyết được một số vấn đề lý luận về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh thì các công trình khoa học đã công bố vẫn chưa đi sâu vào phân tích bản chất của hành vi hạn chế cạnh tranh hay cơ sở lý luận của việc xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh. Một số công trình cũng đã đề cập tới các yếu tố ảnh hưởng tới việc xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh, nhưng lại không mang tính khái quát và triệt để. Những vấn đề lý luận này là tiền đề quan trọng, trả lời cho câu hỏi nghiên cứu và mục tiêu mà luận án hướng tới.

Thứ tư, mặc dù đã có rất nhiều công trình khoa học nghiên cứu luật thực định về cơ quan cạnh tranh Việt Nam trong quá trình xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, thậm chí có những đánh giá hết sức sâu sắc và có ý nghĩa tham khảo trên thực tiễn. Tuy nhiên hầu hết những công trình này lại thiếu đi cái nhìn bao quát về cơ quan tham gia xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh.

Thứ năm, trên thực tế, có không ít các báo cáo phân tích, thống kê về các kết quả đạt được và những bất cập còn tồn tại trong xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam. Tuy nhiên nguyên nhân thực sự của những tồn tại trong xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam lại chưa được nghiên cứu một cách trực quan và toàn diện.

Thứ sáu, hiện nay vẫn chưa có công trình khoa học nào đưa ra các kiến nghị, giải pháp một cách tổng thể nhằm sửa đổi các quy định pháp luật liên quan đến xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh và nâng cao hiệu quả thực hiện trên thực tế.

Nhìn chung, có khá nhiều các công trình như đã kể trên nghiên cứu về vấn đề xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở các góc độ, khía cạnh khác nhau. Các công trình nghiên cứu hiện tại là cơ sở để tác giả đánh giá, tìm hiểu những vấn đề lý luận và thực tiễn xoay quanh nội dung, vấn đề của luận án. Đặc biệt, những nội dung bỏ ngỏ sẽ là những gợi mở quan trọng để tác giả định hướng cho những vấn đề nghiên cứu tiếp theo mà tác giả sẽ thực hiện để giải quyết các mục tiêu đặt ra đối với luận án.

3. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Thứ nhất, tiếp tục tập trung nghiên cứu làm rõ các vấn đề lý luận cơ bản về xử

lý hành vi hạn chế cạnh tranh;

Thứ hai, nghiên cứu và phân tích những vấn đề pháp lý đặc thù liên quan đến xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh;

Thứ ba, nghiên cứu và phân tích và đánh giá thực trạng những nội dung cơ bản của pháp luật hiện hành về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam;

Thứ tư, từ những vấn đề nghiên cứu và giải quyết, luận án đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam hiện nay.

4. Cơ sở lý thuyết và hướng tiếp cận của luận án

4.1. Cơ sở lý thuyết

Thứ nhất, quan điểm về cạnh tranh của trường phái cổ điển và sự phát triển của lý thuyết về cạnh tranh tự do.

Thứ hai, Quan điểm cạnh tranh theo lý thuyết tổ chức ngành (The Theory of Industrial Organization)² và sự xuất hiện cơ quan cạnh tranh tranh.

Thứ ba, lý thuyết về việc đánh giá tác động của hành vi hạn chế cạnh tranh trước khi đưa ra quyết định cấm.

Thứ tư, các quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong việc xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

4.2. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

Câu hỏi 1: Tại sao phải xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh? Việc xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh mang lại lợi ích gì cho sự phát triển kinh tế?

Giả thuyết nghiên cứu: Các hành vi hạn chế cạnh tranh mang lại những hậu quả bất lợi cho sự phát triển kinh tế nói chung. Các hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm luôn gây tác động hoặc có thể gây tác động hạn chế cạnh tranh trên thị trường.

Câu hỏi 2: Những yếu tố nào ảnh hưởng tới xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh trên thực tế?

Giả thuyết nghiên cứu: Trong quá trình phát triển kinh tế, các nhà nghiên cứu phương Tây luôn đặt ra mối quan hệ biện chứng giữa cạnh tranh và phát triển kinh tế. Ngoài ra còn có thể kể tới các yếu tố khác như thể chế quản lý nhà nước, chính sách phát triển trong từng giai đoạn...

Câu hỏi 3: Cần thiết xây dựng một mô hình cơ quan cạnh tranh mới tại Việt Nam? Việc xây dựng mô hình cơ quan cạnh tranh mới có làm thay đổi trình tự thủ tục xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh?

Giả thuyết nghiên cứu: Mô hình cơ quan cạnh tranh có tính độc lập là giả

² Tăng Văn Nghĩa, *Pháp luật cạnh tranh* (giáo trình), NXB Giáo Dục, Hà Nội 2013.

thuyết nghiên cứu của tất cả các quốc gia khi ban hành đạo luật về cạnh tranh hay chống độc quyền. Ở Việt Nam, việc xây dựng mô hình cơ quan cạnh tranh mới có tính độc lập và đảm bảo thực thi tốt các quy định của luật cạnh tranh là hết sức cần thiết.

Câu hỏi 4: Chế tài xử lý đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh là một chế tài đặc biệt?

Giả thuyết nghiên cứu: Chế tài xử lý hành chính đối với hành vi hạn chế cạnh tranh là một chế tài đặc biệt bởi nó được thực hiện bởi một cơ quan hành chính nhưng lại theo thủ tục tư pháp. Chế tài xử lý hành chính đối với hành vi hạn chế cạnh tranh cũng khác với các chế tài xử phạt vi phạm hành chính khác ở chỗ mức phạt đối với hành vi hạn chế cạnh tranh thường được tính theo % doanh thu, do đó mức xử phạt thường rất cao. Quyết định xử phạt hành chính được thực hiện theo quy trình tố tụng cạnh tranh, khác với quy trình ra quyết định xử phạt hành chính thông thường.

4.3. Hướng tiếp cận của luận án

Trên cơ sở tiếp thu các học thuyết và quan điểm của các công trình nghiên cứu khoa học, bằng việc đặt ra các câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu, tác giả luận án tiếp tục giải quyết những vấn đề pháp lý về xử lý hành vi hành vi hạn chế cạnh tranh như sau:

 Nghiên cứu một cách hệ thống và chuyên sâu các vấn đề lý luận và thực tiễn về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh;

 Phân tích được những điểm mới về hình thức xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh bao gồm xử lý hành chính, xử lý hình sự và xử lý bằng biện pháp kiện đòi bồi thường thiệt hại dân sự

 Đối với mỗi hình thức xử lý, tác giả luận án đều đi sâu phân tích về cơ quan tham gia xử lý, trình tự tủ tục xử lý, chế tài xử lý đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh trong các văn bản quy định pháp luật;

- Nghiên cứu kinh nghiệm pháp luật của một số nước trên thế giới về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh;

- Đánh giá một cách khách quan các quy định pháp luật hiện hành về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh.

- Chỉ ra những bất cập còn tồn tại, khẳng định tính tất yếu khách quan của việc hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh;

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỂ LÝ LUẬN VỀ HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH VÀ PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH 1.1. Những vấn đề lý luận về hành vi hạn chế cạnh tranh

1.1.1. Khái niêm hành vi han chế canh tranh

Dưới góc độ pháp lý, theo tác giả Garner trong từ điển Black's Law thì hạn chế cạnh tranh (restrain of trade) được hiểu theo hai nghĩa: Theo nghĩa thông thường, hạn chế cạnh tranh là sự giới hạn trong kinh doanh hoặc nghề nghiệp chuyên nghiệp. Nghĩa thứ hai, hạn chế cạnh tranh (antitrust) là thỏa thuận của hai hay nhiều chủ thể hoặc sự kết hợp giữa các chủ thể nhằm loại bỏ cạnh tranh, tạo ra vị thế độc quyền, tăng giá giả tạo hoặc các hành vi làm bất lợi tới thị trường tự do cạnh tranh. Các hành vi hạn chế cạnh tranh thường là hành vi bị cấm theo quy định pháp luật, theo nguyên tắc hợp lý có xét tới lợi ích của các bên và lợi ích công cộng.³

Luật Cạnh tranh Việt Nam được ban hành lần đầu tiên năm 2004 cũng đã đưa ra khái niệm về hành vi hạn chế cạnh tranh như sau: "Hành vi hạn chế cạnh tranh là hành vi nhằm làm giảm, sai lệch và cản trở cạnh tranh trên thị trường bao gồm thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh vị trí độc quyền và tập trung kinh tế^{3,4}. Tuy nhiên, đến Luật Cạnh tranh 2018 sửa đổi, các nhà làm luật Việt Nam lại đưa ra một cách tiếp cận mới về hành vi hạn chế cạnh tranh như sau: "Hành vi hạn chế cạnh tranh là hành vi gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh, bao gồm hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường và lạm dụng vị trí độc quyền "⁵ So sánh khái niệm về hành vi hạn chế cạnh tranh của Luật Cạnh tranh 2018 hẹp hơn so với cách tiếp cận thông thường. Tuy nhiên, dù được định nghĩa theo cách nào, thì điểm chung nổi bật của hành vi hạn chế cạnh tranh là những hành vi làm suy giảm hoặc triệt tiêu cạnh tranh trên thị trường, hành vi này có tính chất nguy hại lớn tới thị trường nên cần được pháp luật xử lý.

1.1.2. Đặc điểm của hành vi hạn chế cạnh tranh

Thứ nhất, đặc điểm về chủ thể thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh

Chủ thể chủ yếu thực hiện các hành vi hạn chế cạnh tranh là các chủ thể kinh doanh trên thị trường. Trong một số trường hợp đặc biệt, các chủ thể như "hiệp hội

³ Bryan A. Garner, 2014, Black's Law Dictionary 10th Edition, West Group, trang 2097

⁴ Khoản 3 Điều 3 Luật Cạnh tranh 2004

⁵ Khoản 2 Điều 3 Luật Canh tranh 2018

ngành nghề" hay cơ quan Nhà nước cũng có thể trở thành chủ thể thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh.

Thứ hai, đặc điểm về mặt hành vi, các hành vi hạn chế cạnh tranh làm suy giảm, triệt tiêu cạnh tranh trên thị trường.

Thứ ba, đặc điểm về mặt hậu quả của hành vi hạn chế cạnh tranh

Hành vi hạn chế cạnh tranh đi ngược lại với quy luật thị trường, gây hại tới lợi ích của đối thủ cạnh tranh, của người tiêu dùng và lợi ích công cộng.

Từ những phân tích nêu trên, tác giả luận án có thể khái quát về hành vi hạn chế cạnh tranh như sau: "Hạn chế cạnh tranh là hành vi do các chủ thể kinh doanh tiến hành, gây tác động hoặc có khả năng gây tác động đến cạnh trạnh tranh trên thị trường, làm cản trở, suy giảm, triệt tiêu cạnh tranh trên thị trường, thường bao gồm các dạng hành vi như thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền, hay sáp nhập, mua bán nhằm mục đích thâu tóm thị trường...".

1.1.3. Phân loại hành vi hạn chế cạnh tranh

Thứ nhất, căn cứ vào tác động bất lợi của hành vi gây ra đối với môi trường cạnh tranh, thông thường pháp luật cạnh tranh của đa số các quốc gia trên thế giới đều đề cập đến các dạng hành vi cơ bản sau: thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền và tập trung kinh tế.

Thứ hai, mặc dù nhắc tới mục tiêu "hạn chế cạnh tranh" là nhắc tới các dạng hành vi như thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền và tập trung kinh tế. Tuy nhiên, hiện nay cũng có quan điểm cho rằng nếu căn cứ vào thái độ của nhà nước đối với các nhóm hành vi này, hành vi hạn chế cạnh tranh có thể chỉ bao gồm thỏa thuận hạn chế cạnh tranh và lạm dụng vị trí thống lĩnh vị trí độc quyền mà không bao gồm pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế.

1.2. Những vấn đề lý luận pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh

1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển pháp luật điều chỉnh hành vi hạn chế cạnh tranh

1.2.2. Nhu cầu điều chỉnh pháp luật nhằm xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh

Thứ nhất, xuất phát từ hậu quả nghiêm trọng do hành vi hạn chế cạnh tranh gây ra đối với các chủ thể trên thị trường

(i) Tác động đến môi trường cạnh tranh và sự phát triển kinh tế

(ii) Tác động đến đối thủ cạnh tranh

(iii) Tác động tới người tiêu dùng

Thứ hai, xuất phát từ mục đích răn đe, ngăn ngừa các hành vi hạn chế cạnh tranh có thể xảy ra trong tương lai.

Thứ ba, xuất phát từ mục đích thực thi quyền lực Nhà nước.

1.2.3. Khái niệm pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh

"Xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh là hoạt động của các chủ thể có thẩm quyền, căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành, quyết định áp dụng các biện pháp chế tài đối với các tổ chức cá nhân vi phạm theo trình tự thủ tục luật định. Xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh có những yêu cầu và đặc trưng cơ bản như sau:

Thứ nhất, xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh thường được tiến hành bởi cơ quan đặc biệt vừa mang tính "hành pháp" vừa mang tính "tư pháp"

Thứ hai, xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh chủ yếu được quy định trong luật cạnh tranh như một trình tự thủ tục đặc biệt.

Thứ ba, việc áp dụng các chế tài trong xử lý hành vi hạn chế cạnh mang tính linh hoạt và mềm dẻo.

Từ việc phân tích khái niệm, các yêu cầu, đặc trưng của xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh có thể khái quát pháp luật xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh như sau : *Pháp luật xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh là tập hợp những quy phạm pháp luật cạnh tranh liên quan đến việc xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh. Pháp luật xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh là một chế định quan trọng của pháp luật về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh nói chung.*

1.2.4. Nội dung cơ bản của pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh

Thứ nhất, xác định các hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Thứ hai, pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh đặt ra các nguyên tắc áp dụng trong xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh.

Thứ ba, các quy định pháp luật về chủ thể có thẩm quyền xử lý vi phạm, trình tự thủ tục xử lý vi phạm.

Thứ tư, về các chế tài xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh.

1.2.5. Các yếu tố ảnh hưởng tới việc ban hành và xây dựng các quy định pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh

Thứ nhất, điều kiện kinh tế xã hội làm ảnh hưởng tới việc ban hành và xây dựng pháp luật cạnh tranh nói chung và xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh nói riêng.

Thứ hai, chính sách cạnh tranh cũng là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh.

Thứ ba, trình độ lập pháp và hệ thống pháp luật là một trong những yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới việc ban hành và xây dựng các quy định pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh.

Thứ tư, tập quán kinh doanh và ý thức chấp hành pháp luật kiểm soát hành vì hạn chế cạnh tranh của các doanh nghiệp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng quy định pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam

2.1.1. Các hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo pháp luật cạnh tranh Việt Nam

- Hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh
- Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền

2.1.2. Nguyên tắc áp dụng đối với xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm

Điều 110 Luật Cạnh tranh 2018 quy định tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Như vậy nguyên tắc xử lý vi phạm đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh được quy định trong Luật cạnh tranh, có những đặc thù riêng biệt của tố tụng cạnh tranh. Để xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh cần một cơ quan đặc biệt có "phản ứng nhanh" và am hiểu thị trường, theo một cơ chế tố tụng đặc biệt, đó thường là cơ quan hành chính nhưng thủ tục laị mang khuynh hướng tư pháp. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở hình thức xử lý hành chính thì pháp luật xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh chữa đủ sức răn đe đối với chủ thể thực hiện hành vi mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng, nguy cơ gây hại cho các đối thủ cạnh tranh và toàn bộ thị trường. Do đó cần có chế tài hình sự cũng như hình thức kiện đòi bồi thường thiệt hại dân sự để bù đắp cho các chủ thể bị thiệt hại do hành vi hạn chế cạnh tranh gây ra.

2.1.3. Căn cứ xử lý đối với hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm

Nhìn chung căn cứ xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh gồm những yếu tố cơ bản như sau:

Thứ nhất, cũng như những lĩnh vực pháp luật khác, việc xử lý hành vi HCCT được áp dụng trên cơ sở hành vi vi phạm.

Thứ hai, chỉ có thể xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh khi chủ thể thực hiện hành vi có lỗi, tức là chủ thể đó nhận thức được hoặc buộc phải nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, gây thiệt hại cho các chủ thể kinh doanh khác và NTD

nhưng vẫn thực hiện để thu lợi bất chính

Thứ ba, về hậu quả của của hành vi vi phạm. Đây là căn cứ pháp lý quan trọng để xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh. Tuy nhiên về mặt lý luận, nhìn chung các hành vi hạn chế cạnh tranh được nhìn nhận có hậu quả pháp lý đó là gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh trên thị trường.

2.1.4 Cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh

2.1.4.1 Ủy ban cạnh tranh quốc gia Việt Nam

Theo quy định tại Luật Cạnh tranh 2018, cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh là Ủy ban cạnh tranh quốc gia.

Thứ nhất, về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban cạnh tranh quốc gia

Thứ hai, về địa vị pháp lý của Ủy ban cạnh tranh quốc gia

Thứ ba, về cơ cấu tổ chức của Ủy ban cạnh tranh quốc gia

2.1.4.2 Các cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh khác

Thứ nhất, quy định về thẩm quyền và trình tự thủ tục xử lý đối với hành vi hạn chế cạnh tranh có dấu hiệu của tội phạm không được quy định trong Luật cạnh tranh. Điều này đồng nghĩa với việc thẩm quyền và trình tự thủ tục xử lý được tuân theo các quy định pháp luật chung về hình sự. Cơ quan có thẩm quyền xử lý là cơ quan điều tra hình sự và cơ quan xét xử. Trình tự thủ tục xử lý vụ việc được tuân theo trình tự thủ tục giải quyết vụ án hình sự của tố tụng hình sự. Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, tác giả không đi phân tích thẩm quyền và trình tự thủ tục xết xử vụ án hình sự nói chung. Thay vào đó, tác giả đi sâu bình luận các quy định dành riêng cho xử lý đối với vụ việc hạn chế cạnh tranh có dấu hiệu tội phạm.

Thứ hai, theo quy định tại Điều 117 LCT 2004 cũng như Điều 110 LCT 2018 thì tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Như vậy các chủ thể có hành vi hạn chế cạnh tranh gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật tố tụng dân sự 2015 cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khởi kiện vụ án dân sự, yêu cầu giải quyết việc dân sự tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu Tòa án bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác. Như vậy Tòa án cũng chính là cơ quan có thẩm quyền trong việc áp dụng chế tài dân sự đòi bồi thường thiệt hại.

Thứ ba, ngoài quy định pháp luật cạnh tranh, pháp luật chuyên ngành

Theo quy định pháp luật Việt Nam hiện nay, có khoản hơn 20 luật chuyên ngành có quy định về hành vi cạnh tranh⁶. Như vậy cơ quan quản lý chuyên ngành cũng là chủ thể có thẩm quyền trong xử lý vi phạm đối với hành vi hạn chế cạnh tranh.

2.1.5 Trình tự thủ tục xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh

Trình tự và thủ tục xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh được quy định tại Luật Cạnh tranh 2018, có thể được khái quát thành các bước như sau:

2.1.5.1 Điều tra vụ việc hạn chế cạnh tranh

Điều tra vụ việc HCCT được tiến hành khi có các căn cứ sau:

Thứ nhất, tổ chức, cá nhân cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại do hành vi vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh có quyền thực hiện khiếu nại vụ việc cạnh tranh đến Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.

Thứ hai, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về cạnh tranh trong thời hạn 03 năm kể từ ngày hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về cạnh tranh được thực hiện. Trường hợp này nếu bên bị điều tra cam kết chấm dứt hành vi bị điều tra, cam kết thực hiện hình thức khắc phục hậu quả và được Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh chấp thuận thì có thể đình chỉ điều tra.

Ngoài ra, Luật Cạnh tranh 2018 cũng bổ sung thêm một căn cứ quan trọng nữa giúp phát hiện điều tra xử lý hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh đó là trường hợp doanh nghiệp tự nguyện khai báo giúp Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia phát hiện, điều tra và xử lý hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm.⁷ Đây được xem là một trong những điểm mới cơ bản của Luật Cạnh tranh năm 2018 so với Luật Cạnh tranh 2004 về chính sách khoan hồng.

2.1.5.2 Xem xét, giải quyết vụ việc hạn chế cạnh tranh

Việc xem xét, xử lý vụ việc HCCT phải được Hội đồng xử lý vụ việc canh tranh tiến hành thông qua phiên điều trần. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn ra quyết định xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh phải mở phiên điều trần.

Như vậy, trình tự xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh của Việt Nam được tổ chức thông qua phiên điều trần. Việc tổ chức phiên điều trần nằm trong thời hạn ra quyết định xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh. Trước đây theo quy định của Luật Cạnh tranh 2004, việc ra quyết định xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh phải ngay sau khi tiến hành phiên điều trần. Tuy nhiên, theo quy

⁶ Bộ Công thương, Báo cáo rà soát pháp luật cạnh tranh với pháp luật chuyên ngành, Hà Nội, 2014

⁷ Điều 112 Luật Cạnh tranh 2018 về chính sách khoan hồng

định của Luật Cạnh tranh 2018 hiện nay, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh chỉ xem phiên điều trần là một trong những căn cứ để đưa ra quyết định xử lý vụ việc. Quyết định xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh chỉ được đưa ra sau khi tiến hành phiên điều trần.

2.1.5.3 Giải quyết khiếu nại

2.1.6 Chế tài xử lý đối với hành vi hạn chế cạnh tranh

2.1.6.1 Chế tài xử lý hành chính theo quy định pháp luật cạnh tranh

2.1.6.1.1 Các hình thức xử phạt chính

(i) Hình thức xử phạt cảnh cáo

Hình phạt cảnh cáo được hiểu là hình phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức đã vi phạm hành chính nhưng không nghiêm trọng, có tình tiết giảm nhẹ và theo quy định thì bị áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo⁸.

(ii) Hình thức phạt tiền

Hình thức phạt tiền áp dụng với hành vi vi phạm quy định về kiểm soát hành vi HCCT quy định tại Điều 111 Luật Cạnh tranh 2018 như sau: "Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền là 10% tổng doanh thu của doanh nghiệp có hành vi vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm".

Tuy nhiên, như đã phân tích ở phần nguyên tắc xử lý, Luật cạnh tranh 2018 có điểm mới là quy định về giới hạn mức phạt tiền với hành vi HCCT. Theo đó, mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm quy định về thoả thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền là 10% tổng doanh thu của doanh nghiệp có hành vi vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm, nhưng phải thấp hơn mức phạt tiền thấp nhất đối với các hành vi vi phạm được quy định trong Bộ luật hình sự. Việc phân định thẩm quyền giữa các cơ quan cùng có chức năng trong điều tra, xử lý các vụ việc cạnh tranh là cần thiết. Tuy nhiên việc phân định dựa trên mức phạt như vậy, rất khó để áp dụng. Bởi quyết định xử phạt là quyết định cuối cùng sau khi đã tiến hành đầy đủ các bước điều tra, xét xử... Trong khi đó, việc phân định thẩm quyền thường yêu cầu bắt buộc ngay từ khi tiến hành điều tra vụ việc. Do đó cần phải xem xét lại sự phân định thẩm quyền dựa theo tiêu chí mức phạt như hiện nay.

2.1.6.1.2 Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả

Bên cạnh các hình thức xử phạt chính, các chủ thể thực hiện hành vi HCCT

⁸ Điều 22 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012

còn có thể phải chịu các hình thức xử phạt bổ sung. Các hình thức xử phạt bổ sung được quy định tại khoản 3 Điều 110 LCT 2018 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 75/2019/NĐ-CP.

2.1.6.2 Chế tài xử lý hình sự đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh

Các hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của Luật Cạnh tranh cũng là đối tượng điều chỉnh trong quy định của Bộ luật hình sự 2015 (Điều 217). Các thủ thể tham gia thực hiện hành vi bị cấm nêu trên, có thể phải chịu chế tài hình sự chứ không chỉ là chế tài hành chính theo quy định của Luật Cạnh tranh Việt Nam. Xu thế hình sự hóa đối với các hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh, đặc biệt là hành vi hạn chế cạnh tranh cũng là một trong những xu hướng tất yếu trên thế giới hiện nay.

2.1.6.3 Chế tài bồi thường thiệt hại dân sự đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh

Ngoài các hình thức xử phạt vi phạm hành chính như phạt tiền hay áp dụng chế tài hình sự là phạt tù, trường hợp hành vi HCCT gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Điều 110 LCT 2018 quy định *nếu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.* Các văn bản pháp luật chuyên ngành khác như Luật Đấu thầu 2013 (Điều 90) cũng có quy định dẫn chiếu đến bồi thường thiệt hại được coi là một trong những hình thức chế tài áp dụng song song với chế tài hành chính hay chế tài hình sự.

2.2. Thực tiễn thực hiện xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo pháp luật Việt Nam hiện nay

2.2.1 Những kết quả đạt được trong xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam Xử lý bằng chế tài xử phạt hành chính

Trong hơn 14 năm thực thi, Cơ quan cạnh tranh đã chủ động tiến hành hoạt động điều tra tiền tố tụng đối với nhiều ngành, lĩnh vực có tính chất quan trọng, nhạy cảm trong nền kinh tế nhằm tăng cường khả năng phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật cạnh tranh. Hoạt động điều tra tiền tố tụng được tiến hành khi nhận thấy trên thị trường có biến động bất thường hoặc đang xảy ra tranh chấp liên quan đến pháp luật cạnh tranh, hoặc có nghi vấn về hành vi vi phạm quy định của Luật Cạnh tranh. Mục đích của hoạt động này là nhằm thu thập các thông tin, tài liệu cơ bản về hành vi nghi vấn, cũng như thông tin chung về cạnh tranh trên thị trường. Kết quả của hoạt động điều tra tiền tố tụng là đưa ra các quyết định điều tra theo thủ tục tố tụng cạnh tranh

nếu có thông tin xác thực về hành vi vi phạm, hoặc tiếp tục theo dõi diễn biến vụ việc nếu chưa đủ thông tin. Tính đến năm 2018, đã có tổng số 98 cuộc điều tra tiền tố tụng được thực hiện liên quan đến hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền và thỏa thuận hạn chế cạnh tranh.⁹

Xử lý bằng chế tài hình sự và kiện đòi bồi thường thiệt hại dân sự

Bộ luật hình sự 2015 mới có hiệu lực chính thức vào ngày 01/01/2018, do đó tội vi phạm quy định về cạnh tranh cũng mới chính thức có hiệu lực trong khoảng thời gian gần đây. Ở thời điểm hiện tại, Việt Nam vẫn chưa có vụ việc nào về cạnh tranh được xử lý bằng hình thức hình sự. Tuy nhiên, hi vọng trong thời gian tới chúng ta sẽ xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh nhiều hơn, và hình sự hóa các hành vi hạn chế cạnh tranh cho các chủ thể vi phạm.

Về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh bằng hình thức dân sự, hiện nay Tòa án chưa có thống kê chính thức về những vụ việc hạn chế cạnh tranh được khởi kiện ra tòa. Tuy nhiên, thực tiễn ghi nhận một số vụ việc vi phạm pháp luật về hạn chế cạnh tranh được giải quyết tại Tòa án.

2.2.2. Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân trong xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam

2.2.2.1. Những hạn chế, bất cập trong xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam

Thứ nhất, số vụ việc hạn chế cạnh tranh bị cơ quan cạnh tranh Việt Nam xử lý còn rất ít và số tiền phạt còn rất hạn chế.

Thứ hai, chưa có vụ việc hạn chế cạnh tranh nào được giải quyết bằng hình thức hình sự.

Thứ ba, các vụ kiện đòi bồi thường thiệt hại do hành vi hạn chế cạnh tranh gây ra còn ít và chưa có quy định cụ thể.

2.2.2.2. Nguyên nhân của những bất cập trong thực tiễn thực hiện xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam

Nguyên nhân đầu tiên xuất phát từ sự bất hợp lý và những thiếu sót trong quy định pháp luật liên quan đến xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh.

Nguyên nhân thứ hai xuất phát từ cơ chế đảm bảo thi hành pháp luật

Nguyên nhân thứ ba xuất phát từ ý thức thực thi pháp luật

Nguyên nhân thứ tư xuất phát từ các điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

⁹ Báo cáo thường niên của Cục cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng năm 2017

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH Ở VIỆT NAM

3.1. Yêu cầu đặt ra nhằm hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam

- Đảm bảo tính thống nhất, và đồng bộ của pháp luật cạnh tranh với pháp luật chuyên ngành
- Đảm bảo sự độc lập của cơ quan thực thi pháp luật cạnh tranh cũng như sự phối hợp hành động với các cơ quan có liên quan.
- Xác định rõ mục đích của việc xây dựng quy định về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh
- Tiệm cận với chuẩn mực của pháp luật quốc tế

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam

3.2.1. Hoàn thiện quy định pháp luật về các hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm

Thứ nhất, việc quy định các hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm chỉ bao gồm thỏa thuận hạn chế cạnh tranh và lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền, không bao gồm tập trung kinh tế phù hợp với thực tiễn thi hành pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế.

Thứ hai, về các quy định mở trong Luật Cạnh tranh 2018 đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh như thỏa thuận hạn chế cạnh tranh và lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền được xem là một trong những điểm mới tiến bộ của Luật Cạnh tranh 2018. Bởi thực tiễn cho thấy các hành vi phản cạnh tranh luôn đa dạng và phong phú, thay đổi cùng với quá trình phát triển sản xuất kinh doanh. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi thị trường công nghệ số ngày càng phát triển, các hành vi vi phạm ngày càng trở lên phức tạp. Do đó, việc quy định các điều khoản mở là hoàn toàn phù hợp. Tuy nhiên, cần xem xét để các quy định "mở" của Luật Cạnh tranh áp dụng được trên thực tế.

3.2.2. Xây dựng và thể chế hóa nguyên tắc áp dụng các biện pháp xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm

Thứ nhất, nguyên tắc áp dụng trong xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh mới được quy định chung mà chưa được hướng dẫn, giải thích và áp dụng trên thực tế. Như đã phân tích ở Chương 3, Điều 118 Luật cạnh tranh 2018 chỉ quy định "*Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm*

mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. ". Tuy nhiên hiện nay, quy định pháp luật Việt Nam chưa có văn bản giải thích cũng như xây dựng cơ chế để thể chế hóa nguyên tắc áp dụng các biện pháp xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh nếu trên. Về cơ bản các biện pháp hành chính, hình sự hay bồi thường thiệt hại dân sự vẫn được quy định hoàn toàn độc lập. Do đó, cách thức xử lý vụ việc về hạn chế cạnh tranh chưa hoàn toàn thống nhất. Vì vậy muốn xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, cần xây dựng và thể chế hóa nguyên tắc áp dụng các biện pháp xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh.

Thứ hai, một nguyên tắc nữa mặc dù không được quy định tại Điều 110 Luật Cạnh tranh 2018, nhưng có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc áp dụng chế tài xử lý đối với hành vi hạn chế cạnh tranh là nguyên tắc áp dụng pháp luật cạnh tranh trong mối quan hệ với các pháp luật chuyên ngành khác.

3.2.3. Hoàn thiện hệ thống cơ quan xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh

Theo quy định tại Luật Cạnh tranh 2018, cơ quan cạnh tranh Việt Nam là Ủy ban cạnh tranh quốc gia (VCC). Tuy nhiên, Ủy ban cạnh tranh quốc gia Việt Nam chỉ có thẩm quyền xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh bằng biện pháp hành chính. Như đã phân tích ở Chương 3, Ủy ban cạnh tranh quốc gia chỉ có thẩm quyền xử phạt bằng chế tài hành chính, mà không tham gia vào các biện pháp xử lý hình sự hay kiện đòi bồi thường thiệt hại dân sự. Hiện nay, Dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban cạnh tranh quốc gia vẫn đang trong quá trình xây dựng và lấy ý kiến. Việc xây dựng mô hình cơ quan cạnh tranh là một trong những nội dung rất quan trọng giúp thực thi pháp luật cạnh tranh của Việt Nam tốt hơn. Để đảm bảo hiệu quả hoạt động, theo kinh nghiệm quốc tế, cơ quan cạnh tranh cần đảm bảo tính độc lập và tính minh bạch.

Ngoài Ủy ban cạnh tranh quốc gia, có thể thấy tòa án cũng là một trong cơ quan xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh. Tòa án với vai trò cơ quan tư pháp không chỉ xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm, mà còn thực hiện chức năng xét xử vụ án nói chung. Vai trò của tòa án đặc biệt được nhấn mạnh trong hình thức xử lý hình sự và kiện đòi bồi thường thiệt hại dân sự đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm.

3.2.4. Hoàn thiện quy trình xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh thống nhất, hiệu quả

Thứ nhất, liên quan đến vấn đề phát hiện điều tra hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm. Chính phủ nên hướng dẫn chi tiết theo hướng các tổ chức cá nhân đều tổ

chức, cá nhân phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh hoặc khiếu nại vụ việc cạnh tranh đều có trách nhiệm thông báo và cung cấp thông tin, chứng cứ cho Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia. Tuy nhiên, việc xác minh những thông tin và chứng cứ này vẫn thuộc trách nhiệm của cơ quan điều tra vụ việc hạn chế cạnh tranh. Nguồn chứng cứ cũng cần được mở rộng, không nhất thiết phải là các tài liệu đã được công chứng, chứng thực hợp pháp¹⁰. Bởi theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 35/2020/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết Luật Cạnh tranh 2018, những tài liệu đã được công chứng, chứng thực hợp pháp là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

Thứ hai, đẩy mạnh thực thi chính sách khoan hồng khi doanh nghiệp tự nguyện khai báo giúp Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia phát hiện, điều tra và xử lý hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm.¹¹ Đây cũng là một trong những quy định giúp phát hiện, điều tra xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh, đặc biệt là hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh.

Thứ ba, về việc xem xét giải quyết vụ việc hạn chế cạnh tranh

Quy trình xem xét giải quyết vụ việc việc hạn chế cạnh tranh thông qua thủ tục phiên điều trần là mô hình được nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng. Điều này khiến tố tụng cạnh tranh trở thành một trong những loại hình tố tụng đặc biệt, mang thủ tục "hành chính" lai "tư pháp". Việc quy định Tòa án là cơ quan phán quyết đưa ra chế tài xử phạt theo quy định của pháp luật cạnh tranh của Úc là một trong những bài học kinh nghiệm để chúng ta tiếp tục nghiên cứu sửa đổi mô hình cơ quan cạnh tranh Việt Nam cho phù hợp. Tuy nhiên, dù là mục tiêu ngắn hạn hay dài hạn, quy trình tố tụng xử lý vụ việc cạnh tranh vẫn chỉ thực sự thống nhất và hiệu quả nếu như có có sự hỗ trợ lẫn nhau từ phía các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cạnh tranh như đã phân tích tại mục 4.2.3 của luận án.

Thứ tư, về giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh

Nguyên tắc bảo đảm quyền khiếu nại, khởi kiện trong thủ tục giải quyết vụ việc hạn chế cạnh tranh là một trong những nguyên tắc quan trọng nhằm đảm bảo tố quyền tư pháp. Theo tác giả để đảm bảo cơ chế quyền khiếu nại của các bên, các bên vẫn có quyền khiếu nại lên hội đồng cạnh tranh, nếu ko đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại thì có thể khởi kiện ra Tòa. Tuy nhiên, tòa sẽ chỉ xem xét hủy hay không hủy quyết định của hội đồng cạnh tranh, mà không xem xét giải quyết lại vụ

¹⁰ Theo Trần Chi Anh, Hội thảo góp ý Dự thảo nghị định hướng dẫn thi hành chi tiết Luật Cạnh tranh sửa đổi năm 2018, Tp. Hồ Chí Minh, Tháng 9 năm 2019

¹¹ Điều 112 Luật Cạnh tranh 2018 về chính sách khoan hồng

việc cạnh tranh. Như vậy, vừa đảm bảo quy định về quyền khiếu nại, khởi kiện trong tố tụng cạnh tranh, nhưng cũng đồng thời rút ngắn được thời gian tố tụng cạnh tranh, tránh tình trạng vụ việc đã được cơ quan cạnh tranh xử lý nhưng vẫn tiếp tục bị khởi kiện qua các cấp xét xử của tòa án.

3.2.5. Hệ thống hóa các biện pháp chế tài xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh và cơ chế áp dụng phù hợp.

(i) Quy định về hình phạt tiền

Thứ nhất, hình phạt tiền được quy định trong cả biện pháp xử lý hành chính và biện pháp xử lý hình sự. Đây là một trong những hình phạt chính đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm. Hình phạt tiền mang tính răn đe đối với các chủ thể thực hiện hành hạn chế cạnh tranh bị cấm đồng thời cũng bù đắp lại tổn thất đối với lợi ích chung, lợi ích công cộng hay đối với lợi ích của nhiều người tiêu dùng.

Theo quan điểm của tác giả, với quy định chi tiết như trong Nghị định số 75/2019/NĐ-CP, mức phạt tiền đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh là mức trung bình của khung tiền phạt, tùy vào các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ nhưng không được thấp hơn 1% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính trước năm thực hiện hành vi vi phạm. Ngoài ra, chúng ta nên kết hợp cả hai cách thức xác định tiền phạt đó là phạt tiền cố định và phạt tiền theo doanh thu như trong quy định của pháp luật cạnh tranh Úc.

Thứ hai, cần phải hủy bỏ quy định về việc phân định thẩm quyền giữa các cơ quan cùng có chức năng trong điều tra, xử lý các vụ việc cạnh tranh dựa trên mức tiền phạt như hiện nay.

(ii) Quy định về hình phạt tù

Cần đẩy mạnh tuyên truyền để các chủ thể kinh doanh biết và hiểu hơn về Luật Cạnh tranh, có thể sử dụng Luật cạnh tranh như một công cụ để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình. Không chỉ các đối thủ cạnh tranh trực tiếp, ngay cả người tiêu dùng hay thậm chí các đại lý, các nhà phân phối, bán lẻ cũng có thể bị ảnh hưởng từ các hành vi hạn chế cạnh tranh. Những chủ thể này đều có quyền khiếu kiện để yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm gây ra. Ngoài ra, cần đẩy mạnh các biện pháp hòa giải trong tố tụng, nhằm nâng cao ưu điểm của phương thức giải quyết tranh chấp này giống như tại Hoa Kỳ. Hiện nay chúng ta cũng đã bắt đầu xây dựng Dự thảo Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án. Vụ việc kiện đòi bồi thường thiệt hại do hành vi hạn chế cạnh tranh gây ra hoàn toàn có thể thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này. Ngoài ra, mặc dù pháp luật cạnh tranh Việt Nam không áp dụng chính sách khoan hồng đối với chế tài dân sự, tuy nhiên, tác giả luận án cho rằng để đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch các tài liệu từ hồ sơ xin hưởng miễn trừ nên được sử dụng công khai trong vụ án kiện đòi bồi thường thiệt hại do hành vi hạn chế cạnh tranh gây ra. Đây cũng chính là sự hỗ trợ từ phía cơ quan cạnh tranh với tòa án trong xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh. Nội dung này đã được tác giả luận án phân tích khá chi tiết tại mục 4.2

(iv) Hình phạt cảnh cáo

Cảnh cáo là hình phạt không thể thiếu trong quy định về chế tài xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh, được đưa ra với mục đích giáo dục, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các chủ thể vi phạm.

(v) Hình phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả

Nghị định số 75/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh, đã có những quy định hướng dẫn về hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phụ hậu quả. Tuy nhiên, cách quy định như trong Nghị định hiện nay vẫn chưa thực sự thuyết phục, còn chung chung. Mặc dù quy định biện pháp khắc phục hậu quả đến từng hành vi vi phạm, nhưng những biện pháp này lại bị chồng chéo, trùng lặp và không thể hiện tính đa dạng cũng như sự cần thiết.

Ngoài ra, Nghị định số 75/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh còn bỏ sót quy định về biện pháp xử phạt bổ sung đối chủ thể vi phạm là hiệp hội ngành nghề.

3.3 Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm

3.3.1. Tăng cường đầu tư nguồn lực cho cơ quan cạnh tranh và xây dựng cơ chế phối hợp trong xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh

3.3.1.1 Tăng cường đầu tư nguồn lực cho cơ quan cạnh tranh

Tăng cường nguồn lực bao gồm nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, và nguồn lực về tài chính.

3.3.1.2 Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh

Thứ nhất, phối hợp giữa cơ quan cạnh tranh và cơ quan điều tra trong điều tra các vụ việc hạn chế cạnh tranh.

Thứ hai, phối hợp giữa cơ quan cạnh tranh với cơ quan xét xử trong xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh.

Thứ ba, tăng cường khả năng hợp tác giữa cơ quan cạnh tranh với các cơ quan

chuyên ngành

3.3.2 Nâng cao nhận thức pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh

Đối tượng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật hạn chế cạnh tranh chủ yếu nên hướng tới là cộng đồng doanh nghiệp trong các ngành, lĩnh vực có chỉ số cạnh tranh cao. Nội dung tuyên truyền cần giúp các doanh nghiệp nhận diện rõ những hành vi bị coi là vi phạm pháp luật hạn chế cạnh tranh và quyền khiếu nại, khởi kiện của doanh nghiệp bị xâm hại, các hình thức chế tài có thể được áp dụng đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm. Các nội dung khác như trình tự, thủ tục khiếu nại, khởi kiện đối với hành vi vi phạm, phạm vi chứng minh, kinh nghiệm xử lý hành vi vi phạm cạnh tranh cũng cần được tuyên truyền, phổ biến. Không chỉ tuyên truyền phổ biến pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh cho các doanh nghiệp mà cả người tiêu dùng. Khuyến khích, giáo dục cộng đồng muốn phát triển bền vững tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh thì cần xoá bỏ các hành vi hạn chế cạnh tranh. Một doanh nghiệp chân chính sẽ không vì lợi ích bất chính mà vi phạm pháp luật, bóc lột người tiêu dùng để bị pháp luật trừng phạt, đánh mất uy tín mà doanh nghiệp dày công xây dựng.

3.3.3 Kiện toàn các điều kiện kinh tế xã hội làm tiền đề cho sự phát triển của cạnh tranh

Thứ nhất, chủ chương minh bạch hóa, thực hiện nhà nước pháp quyền luôn được nhắc đến như kim chỉ nam trong mọi hoạt động quản lý của Nhà nước.

Thứ hai, xóa bỏ cơ chế tập trung bao cấp với sự độc quyền nhà nước trong nhiều lĩnh vực của nền kinh tế từ lâu vẫn còn để lại nhiều hệ lụy.

Thứ ba, tăng cường công tác điều tra cấu trúc thị trường, nghiên cứu các ngành phát hiện và xử lý kịp thời những chủ thể có biểu hiện hạn chế cạnh tranh trong những nhóm ngành hàng khác nhau.

KÉT LUẬN CHƯƠNG 3

KÉT LUÂN

Luận án đã đạt được một số những kết luận quan trọng ở các chương như sau: Chương 1 chủ yếu đưa ra những cơ sở lý luận cơ bản nhất về hành vi HCCT và xử lý hành vi HCCT theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành. Bên cạnh đó, tại phần này, tác giả cũng đưa ra lịch sử phát triển các quy định pháp luật về xử lý HCCT trên thế giới và quá trình xây dựng các văn bản pháp luật về vấn đề này tại Việt Nam. Không chỉ dừng lại ở lý luận, phần này cũng đánh giá các yếu tố tác động tới quá trình thực thi những quy định pháp luật cạnh tranh này tại Việt Nam. Trong Chương 1, tác giả đã xây dựng được khái niệm về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh, đặc điểm của pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh, nguyên tắc áp dụng trong xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh và các hình thức xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh.

Chương 2 cũng tập trung đi phân tích các nội dung trong hình thức xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh bao gồm cơ quan có thẩm quyền xử lý, trình tự thủ tục xử lý và chế tài xử lý. Đối với cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh theo Luật Cạnh tranh 2018 thì Ủy ban cạnh tranh quốc gia được xem là cơ quan xử lý chuyên trách nhất. Mô hình Ủy ban cạnh tranh quốc gia hiện nay đã được xây dựng trong Luật, nhưng vẫn đang tiếp tục được hoàn thiện trong các văn bản hướng dẫn thi hành. Về trình tự thủ tục xử lý đối với vụ việc hạn chế cạnh tranh, tác giả luận án cho thấy hiện nay pháp luật Việt Nam còn lỗ hồng rất lớn khi chưa có quy định liên kết giữa các hình thức xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm. Thực tiễn xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh vốn đã rất hạn chế, cần phải tìm ra nguyên nhân và đưa ra các giải pháp để nâng cao thực tiễn thi hành pháp luật về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh.

Chương 3 luận án đã đưa ra định hướng để hoàn thiện hơn nữa quy định pháp luật về xử lý hành vi HCCT. Đó là những nguyên tắc cơ bản cần được tuân thủ trong quá trình xây dựng quy định pháp luật nói chung và quy định pháp luật cạnh tranh nói riêng. Bên cạnh đó, các tác giả cũng đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy định về xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh còn bất cập. Dựa trên kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới, gắn với điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam hiện nay, tác giả đã cũng đã đưa ra những kiến nghị nhằm thúc đẩy xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh một cách hiệu quả trên thực tế.

Trên đây là những kết luận cơ bản mà tác giả đã nghiên cứu, phân tích và chỉ ra trong luận án của mình./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

- Phạm Phương Thảo (2017), Kiểm soát tập trung kinh tế trên thị trường bán lẻ theo quy định của Luật cạnh tranh Việt Nam, *Tạp chí dân chủ và pháp luật*, số tháng 09 (306) năm 2017
- Phạm Phương Thảo (2018), Những điểm mới trong xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh theo Luật cạnh tranh 2018, *Tạp chí Giáo dục và xã hội*, số tháng 10 (152) năm 2018
- Phạm Phương Thảo (2019), Thực tiễn xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo pháp luật Việt Nam hiện nay và một số giải pháp hoàn thiện, *Tạp chí* Công thương, số tháng 5 năm 2019
- Phạm Phương Thảo (2017), Pháp luật về cạnh tranh (Chương 14), Luật kinh tế chuyên khảo, Nhà xuất bản lao động, năm 2017
- Phạm Phương Thảo (2019) Hoàn thiện mô hình cơ quan cạnh tranh theo quy định của Luật cạnh tranh năm 2018, *Tạp chí Luật học*, số tháng 10 năm 2019